

Bản án số: 67/2023/HS-ST

Ngày: 29 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thế Hà.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2023/TLST - HS, ngày 31 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST - HS, ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đoàn Thế V, sinh năm 1983 tại Bình Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn H, sinh năm: 1957 và con bà Đinh Thị L, sinh năm: 1963; vợ: Phạm Thị Xuân T, sinh năm 1984; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2008; nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”: Có mặt.

Bị hại:

- Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

- Nguyễn Văn H1, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trần Thị Kim T2, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

- Nguyễn Thị Tuyết V1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Người làm chứng:

- Trần Đ, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

- Trần Vũ D, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 27/3/2023 Đoàn Thế V, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Văn H1, Trần Vũ D và một số người khác đến dự đám tang tại nhà ông Trần Đ thì được mời lại ăn cơm và uống rượu. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, tất cả ngồi xuống khu vực hiên nhà ông Trần Đ vừa uống rượu vừa tổ chức đánh bạc bằng hình thức “Xì tố” ăn thua bằng tiền. Trong lúc Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Ngọc H2 đang đánh bạc thì Đoàn Thế V ngồi xem và xảy ra mâu thuẫn, cãi vã thách thức đánh nhau với Nguyễn Văn T3.

Khi thấy T3 đang nhìn mình cười nên V bực tức và cho rằng T3 có thái độ xem thường mình nên V chạy về nhà xuống bếp lấy 01 cây rựa dài khoảng 70cm (loại rựa dùng để chặt bắp) qua nhà ông Đ đi tới chỗ T3 thì thấy T3 đang ngồi dựa vào tường và duỗi thẳng chân nên V cầm rựa giơ lên cao chém 01 nhát trúng đầu gối chân phải của T3 gây thương tích. Khi V giơ rựa lên tiếp tục chém nhát thứ hai thì Nguyễn Văn H1 đưa chân ra đập V để cản cây rựa lại thì lưỡi rựa trúng vào phần mềm mắt trong cẳng chân trái của H1 gây thương tích. Lúc này, mọi người can ngăn ôm V lại thì V bỏ về nhà rồi mang cây rựa ném xuống khu vực Trạm bơm thuộc sông L rồi tự đến Công an xã Đ đầu thú. Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Văn H1 được đưa tới Trung tâm y tế huyện T điều trị.

Tại bản cáo trạng số: 55/CT-VKSTL-HS, ngày 30/8/2023; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đã truy tố bị cáo Đoàn Thế V về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh khẳng định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Đoàn Thế V hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đoàn Thế V phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng a, i; khoản 1 điểm đ khoản 2 Điều 134 và điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Đoàn Thế V: 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo Đoàn Thế V:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào khoảng 14 giờ 30, ngày 27/3/2023 Đoàn Thế V có hành vi dùng 01 cây rựa dài khoảng 70cm đi đến nhà của ông Trần Đ ở Thôn A, xã Đ, huyện T chém từ trên xuống trúng vào đầu gối chân phải của Nguyễn Ngọc T1 gây thương tích. Đoàn Thế V tiếp tục giơ rựa lên chém về phía Nguyễn Ngọc T1 thì anh Nguyễn Văn H1 đưa chân trái ra đạp Đoàn Thế V nhằm mục đích ngăn cản không cho V chém trúng Nguyễn Ngọc T1 thì bị chém trúng vào phần mềm mắt trong cẳng chân trái của Nguyễn Văn H1 gây thương tích.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 122/KLTTCT-PVPYQG, ngày 07/7/2023 của V3, phân viện tại TP . xác định thương tích của Nguyễn Ngọc T1 như sau:

1. Các kết quả chính:

- Ba sọc dẫn lưu kích thước nhỏ vùng 1/3 dưới đùi phải.
- Sọc kích thước trung bình vùng gối phải.
- Rách hoàn toàn dây chằng bên mác.
- Rách một phần dây chằng chéo trước.
- Gãy bong tróc chỗ bám dây chằng bánh chè xương bánh chè phải.

2. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Ngọc T1 là 15%.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 309/KLTTCT-TTPYBT, ngày 22/5/2023 của Trung tâm pháp y, sở y tế tỉnh B kết luận như sau:

1. Các kết quả chính:

- Vết thương phần mềm mắt trong 1/3 dưới cẳng chân trái được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: (7x0,4)cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.

Như vậy, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thế nhưng, bị cáo Đoàn Thế V dùng cây rựa – là hung khí nguy hiểm chém vào chân phải gây thương tích cho Đoàn Thế V với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15% và gây thương tích cho Nguyễn Văn H1 thương tật 2%. Vào ngày 27/3/2023 giữa bị cáo và bị hại Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Văn H1 không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo đã có hành vi dùng rựa gây thương tích cho anh T1. Điều này thể hiện bị cáo có tính chất côn đồ. Cho nên, bị cáo Đoàn Thế V đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a, i khoản 1; điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đoàn Thế V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Thế V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị hại Nguyễn Văn H1 xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đến Công an xã Đ đầu thú. Cho nên, cần xem xét cho Đoàn Thế V2 áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V1:

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Ngọc T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gồm:

1. Chi phí điều trị:

- Hóa đơn mua vật tư điều trị thương tích tại bệnh viện T4 là 94.249 đồng (theo hóa đơn bán hàng ngày 27/3/2023).

- Phiếu thu tại trung tâm y tế T ngày 27/3/2023: 347.000đ.

- Hóa đơn tại biên lai hoàn tạm ứng của bệnh viện C là 2.247.000đ + 150.000đ.

- Phiếu thu tiền viện phí: 2.200.000đ.

- Phiếu mua hàng tại nhà thuốc L1: 142.000đ.

- Phiếu thu tại bệnh viện T5: 1.293.459đ.

- Chi phí tại bệnh viện H3: 3.700.000đ.

Tổng chi phí là: 10.173.708đ

Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Thế V đồng ý bồi thường các khoản chi phí này cho bị hại Nguyễn Văn T3 với số tiền 10.173.708đ. Cho nên, cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp.

2. Tiền thu nhập bị mất:

Trong thời gian điều trị tại bệnh viện và sau khi điều trị. Ông T3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền thu nhập bị mất trong thời gian điều trị tại bệnh viện và thời

gian điều trị tại nhà là 6 tháng; mỗi ngày 300.000đ; số tiền yêu cầu bồi thường là 54.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị Tuyết V1 (vợ bị hại Nguyễn Văn T3) yêu cầu bồi thường tiền công thu nhập của người nuôi bệnh bao gồm thời gian điều trị tại bệnh viện và sau khi điều trị là 02 tháng; mỗi ngày: 2.00.000đ. Tổng số tiền là 12.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo chỉ chấp nhận bồi thường thiệt hại tiền thu nhập cho bị hại Nguyễn Ngọc T1 là 02 tháng; bị cáo không chấp nhận bồi thường tiền thu nhập bị mất của bà Nguyễn Thị Tuyết V1.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu bồi thường thiệt hại về thu nhập thực tế bị mất của bị hại Nguyễn Ngọc T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết V1 là phù hợp với quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 590 BLDS năm 2015. Tuy nhiên, xét thấy: Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Ngọc T1 khai nhận: Sau khi điều trị tại bệnh viện, ông T1 điều trị tại nhà khoảng 02 tháng thì đi lại bình thường nhưng không làm được việc nặng. Ông T1 có thể chăm sóc được bản thân. Hàng ngày ông T1 làm nông và làm thuê cho người khác. Sau khi điều trị 02 tháng ông T1 đã đi lại được. Đối với thương tích của ông T1, cần phải tiếp tục nghỉ ngơi, hồi phục sức khỏe trong thời hạn 02 tháng tiếp theo thời gian điều trị là phù hợp. Do đó, cả buộc bị cáo Đoàn Thế V phải bồi thường thiệt hại về thu nhập thực tế bị mất của ông Nguyễn Ngọc T1 là 04 tháng; mỗi ngày 300.000đ. Số tiền bồi thường cho ông T1 đối với thu nhập thực tế bị mất là 04 tháng x 9.000.000đ/tháng = 36.000.000đ.

Trong thời gian ông T1 điều trị tại bệnh viện và ở nhà thì bà Nguyễn Thị Tuyết V1 (vợ ông T1) là người trực tiếp chăm sóc ông T1. Do ông T1 không thể đi lại và chăm sóc được cho bản thân nên bà V1 phải lo chăm sóc cho ông T1 trong thời gian điều trị. Hàng ngày bà V1 làm vườn, chăn nuôi tại nhà với mức thu nhập là 200.000đ/ngày. Như vậy, thời gian bà V1 chăm sóc ông T1 điều trị tại nhà thì có thể làm một số công việc trong gia đình, chăm sóc con, trông trọt, chăn nuôi. Cho nên, cần buộc bị cáo Đoàn Thế V phải bồi thường phần thu nhập thực tế bị mất của bà V1 là 01 tháng x 6.000.000đ/tháng = 6.000.000đ là phù hợp.

Tổng số tiền tiền bị cáo Đoàn Thế V phải bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T1 là: 46.173.708đ (trong đó, chi phí điều trị là: 10.173.708đ; thu nhập bị mất là 36.000.000đ). Bồi thường tiền thu nhập thực tế bị mất cho bà V1 là 6.000.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều Điều 584, 585, 586, 590 BLDS năm 2015.

[6.2] Đối với yêu cầu bồi thường của ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị Kim T2.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu bị cáo Đoàn Thế V phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông H1 bao gồm các khoản chi phí như sau:

1. Chi phí điều trị:

- Chi phí điều trị trong thời gian nằm viện từ ngày 27/3/2023 đến ngày 07/4/2023 là 690.000đ.

2. Tiền thu nhập bị mất:

- Ngày nhập viện từ 27/3/2023 đến ngày 07/4/2023 là 12 ngày:

+ Tiền thu nhập của ông H1 bị mất 12 ngày; mỗi ngày 300.000đ là 3.600.000đ. Tiền điều trị sau khi xuất viện là 08 ngày: 2.400.000đ. Tổng số tiền thu nhập bị mất là 6.000.000đ.

+ Tiền công của người nuôi bệnh: Trong thời gian điều trị bà Trần Thị Kim T2 chăm sóc ông H1 với thời hạn là 12 ngày số tiền 2.400.000đ. Bà T2 yêu cầu bồi thường số tiền này cho ông H1.

Tổng số tiền ông H1 yêu cầu bồi thường là 9.090.000đ.

Xét thấy: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn H1 theo các mức chi phí mà ông H1 yêu cầu. Ông H1 và bị cáo Đoàn Thế V đã thỏa thuận bồi thường với nhau về việc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho ông H1 với số tiền là 9.090.000đ. Xét thấy: Việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này là phù hợp.

[7] Về án phí: Cần buộc bị cáo Đoàn Thế V phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Về tội danh:

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Thế V phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm a, i khoản 1; điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Đoàn Thế V: 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 357 BLDS:

Buộc bị cáo Đoàn Thế V phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Nguyễn Ngọc T1 số tiền là 46.173.708đ (trong đó, tiền chi phí điều trị: 10.173.708đ; tiền công thu nhập bị mất: 36.000.000đ).

Buộc bị cáo Đoàn Thế V phải bồi thường thiệt hại về thu nhập thực tế bị mất cho bà Nguyễn Thị Tuyết V1 là 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Đoàn Thế V, ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị Kim T2 như sau: Bị cáo Đoàn Thế V phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Nguyễn Văn H1 số tiền là 9.090.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Căn cứ vào: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đoàn Thế V phải nộp 200.000đ án phí hình sự; 2.763.000đ án phí dân sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2023) (đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự; (đã giải thích quyền kháng cáo).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- + Cấp theo Điều 262 BLTTHS:
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ.
- VKSND huyện;
- CQCSĐT C.A huyện;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện;
- Nhà tạm giữ - CA huyện;
- UBND xã Đồng Kho (Thay T/B) ;
- Sở TP T. Bình Thuận;
- C.C T.H.A DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Yến